TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2024
"V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Kiều Diễm**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Tịnh**
Ông Nguyễn Văn Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2024/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Quách Tú N, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 22/4/2024.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Quách Tú N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Anh Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau với nhau năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/12/2007.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi không thể trao đổi, nói chuyện hàn gắn tình cảm với nhau nên dần tình cảm vợ chồng còn. Anh Đ có mối quan hệ khác bên ngoài, mặc dù tôi đã khuyên ngăn nhưng chồng tôi vẫn không thay đổi. Tôi và anh Đ đã ly thân với nhau và từ khi ly thân đến nay vợ chồng tôi không liên lạc với

nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với anh Đ nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và Anh Lê Văn Đ có 02 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 26/4/2008 và Lê Ái L, sinh ngày 20/10/2018. Tôi yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Lê Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập anh Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh Đ vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Quách Tú N đối với Anh Lê Văn Đ. Về con chung: Giao hai em Lê Anh T, sinh ngày 26/4/2008 và Lê Ái L, sinh ngày 20/10/2018 cho Chị N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, Chị N không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Quách Tú N yêu cầu ly hôn với Anh Lê Văn Đ, anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Quách Tú N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Anh Lê Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị Quách Tú N và Anh Lê Văn Đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Quách Tú N yêu cầu ly hôn với Anh Lê Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Quách Tú N và Anh Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/12/2007 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Chị Quách Tú N và Anh Lê Văn Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Đ tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do thể hiện anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh ngày 05 tháng 4 năm 2024, ông Huỳnh Văn Xốp là trưởng ấp, Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định trong thời gian chung sống Chị N và anh Đ chung sống có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân cho đến nay, từ khi ly thân thì con chung là Chị N chăm sóc và nuôi dưỡng. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Chị Quách Tú N và Anh Lê Văn Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Quách Tú N đối với Anh Lê Văn Đ.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Chị N và anh Đ thống nhất xác định chị và anh có 01 con chung tên là Lê Anh T, sinh ngày 26/4/2008 và Lê Ái L, sinh ngày 20/10/2018. Khi chị và anh Đ ly thân các em do Chị N chăm sóc. Xét thấy, em Lê Anh T, sinh ngày 26/4/2008 và Lê Ái L, sinh ngày 20/10/2018 còn nhỏ, nên cần giữ nguyên để đảm bảo cuộc sống ổn định của các em và nguyện vọng của em Thư cũng muốn ở với Chị N. Do đó, cần tiếp tục giao em Lê Anh T, sinh ngày 26/4/2008 và Lê Ái L, sinh ngày 20/10/2018 cho Chị Quách Tú N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Quách Tú N không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con và anh Đ không có ý kiến nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Chị Quách Tú N yêu cầu ly hôn với Anh Lê Văn Đ, nên Chị Quách Tú N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Chị Quách Tú N được ly hôn với Anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các em Lê Anh T, sinh ngày 26/4/2008 và Lê Ái L, sinh ngày 20/10/2018 cho Chị Quách Tú N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Quách Tú N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Chị Quách Tú N phải chịu. Chị Quách Tú N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010070 ngày 18/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Kiều Diễm